TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2023/HS-PT
Ngày: 30-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**
Ông **Phạm Văn Hợp.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 578/2022/TLPT-HS ngày 21-12-2022 đối với bị cáo **Huỳnh Trọng K** cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 15-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo bị kháng cáo và bị kháng nghị (Phần kê biên tài sản):

1. Huỳnh Trọng K, sinh ngày 29-3-1977 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Nhà số 44 Lương Ngọc Quyến, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ Tín dụng nhân dân T2, thành phố H; con ông Huỳnh Văn N (đã chết) và bà Trần Thị Đ; vợ là Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1982 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 05-01-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo kháng cáo:

2. Huỳnh Thanh T, sinh ngày 01-4-1987 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT:, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Quỹ Tín dụng nhân dân T2, thành phố H;

con ông Huỳnh P và bà Đào Thị A; vợ là Mai Thị Hồng V, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05-01-2021; đến ngày 28-5-2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Thị Lệ T1, sinh ngày 01-9-1965 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở:, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2; con ông Bùi Quang H và bà Trần Thị N; chồng là Trần Thế B, sinh năm 1959 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Nhân H, sinh ngày 07-12-1976 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ công tác tại Quỹ Tín dụng nhân dân T2, thành phố H; con ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị H (đều đã chết); chồng là Lê Hữu T, sinh năm 1979 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 04-8-1981 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Quỹ Tín dụng nhân dân T2, thành phố H; con ông Nguyễn Đắc K và bà Dương Thị H; chồng là Trần Quang H, sinh năm 1981 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt phiên tòa.

- Bị hại kháng cáo:

Quỹ Tín dụng nhân dân T2; địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị N** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trọng K:

Luật sư **Võ Công H** - Công ty Luật C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

(Vụ án còn có 218 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quỹ Tín dụng nhân dân T2 (sau đây viết tắt là Quỹ Tín dụng nhân dân T2) là loại hình tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động tuân thủ điều lệ và các quy định của pháp luật có liên quan, có tư cách pháp nhân, vốn Điều lệ, con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, chịu trách nhiệm trước thành viên và trước pháp luật về hoạt động của mình, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 3300122406, đăng ký lần đầu ngày 25-6-1998, thay đổi lần thứ 6 ngày 11-9-2019.

Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2019, các cán bộ thuộc Quỹ Tín dụng nhân dân T2 đã thực hiện nhiều hành vi sai phạm, chiếm đoạt, gây thiệt hại tài sản của quỹ tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hành vi tham ô tài sản Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T:

Từ năm 2014 đến tháng 6-2019, Huỳnh Trọng K là Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ Tín dụng nhân dân T2, kiêm cán bộ tín dụng từ ngày 01-10-2012 đến ngày 15-4-2019, còn Huỳnh Thanh T là Cán bộ tín dụng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ vay vốn, theo dõi, quản lý thu nợ khách hàng đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, thu tiền không nộp quỹ và tự lập khống hợp đồng tín dụng để chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 số tiền **12.926.324.413 đồng**, cụ thể:

1.1. Hành vi thu tiền không nộp quỹ:

Trong quá trình thu tiền gốc, lãi hàng ngày đối với những khoản vay của khách hàng tại Quỹ Tín dụng nhân dân T2, theo quy định về cho vay tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 thì *"Thu góp hàng ngày phải thanh toán, nộp tiền trong ngày đó, ghi chép đầy đủ những số liệu trên phần mềm máy tính phải được sao lưu"*. Tuy nhiên, sau khi thu nợ, Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T đã không nộp đầy đủ số tiền này mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân, trong đó:

Huỳnh Trọng K đã thực hiện hành vi thu tiền không nộp quỹ tại **205** Hợp đồng tín dụng (Có bảng thống kê kèm theo), bao gồm nhiều hợp đồng đã hết hạn vay từ lâu (03 hợp đồng hết hạn năm 2016, 53 hợp đồng hết hạn năm 2017 và 48 hợp đồng hết hạn năm 2018) và nhiều hợp đồng vay còn hạn khách hàng đang trả nợ, nhưng đến thời điểm thanh tra tại quỹ tín dụng vào tháng 5-2019, những hợp đồng tín dụng đã hết hạn vẫn còn bị treo nợ, các hợp đồng khách hàng đang trả nợ, K đã thu tiền nhưng không nộp cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2. Với hành vi này, Huỳnh Trọng K đã chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 **7.247.739.160 đồng**.

Tương tự như Huỳnh Trọng K, Huỳnh Thanh T thực hiện hành vi thu tiền không nộp quỹ tất cả những hợp đồng tín dụng hầu hết đều có thời gian vay từ năm 2018, năm 2019 và hạn trả sau ngày 04-5-2019, có 02 hợp đồng có thời gian vay hết hạn năm 2018. T đã thu tiền tại 80 hợp đồng tín dụng của 64 khách hàng (Có bảng thống kê kèm theo), chiếm đoạt của quỹ tín dụng **188.582.253 đồng.**

1.2. Hành vi tự lập khống hồ sơ Hợp đồng tín dụng:

Lợi dụng sự lỏng lẻo trong theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát hồ sơ vay vốn và hoạt động cho vay tại Quỹ Tín dụng nhân dân T2, K và T đã lấy toàn bộ biểu mẫu hồ sơ vay vốn, điền các thông tin khách hàng mà mình biết, tự ký giả chữ ký

của khách hàng trên phần dành cho khách hàng ký tại các biểu mẫu hồ sơ vay vốn. Thực hiện xong, đề nghị Giám đốc Bùi Thị Lệ T1, Phó giám đốc Dương Thị Thu T cùng Nhân viên tín dụng tổ chức họp xét đơn vay. Khi hồ sơ vay được lãnh đạo ký duyệt, K và T ứng tiền giải ngân, cầm 02 chứng từ "Phiếu chi", "Giấy nhận nợ" đã có sẵn các chữ ký của Giám đốc, Kế toán, Thủ quỹ để đi ký nhận tiền giải ngân với khách hàng tại các chợ. Do đây là các hợp đồng lập khống nên K, T đã tự ký giả chữ ký khách hàng tại phần "Người nhận" của "Phiếu chi", "Người nhận nợ" của "Giấy nhận nợ", sau đó đưa về cho Kế toán, Thủ quỹ, đối chiếu hoàn ứng. Qua điều tra K và T thừa nhận: Bằng thủ đoạn ký giả chữ ký, chữ viết khách hàng, Huỳnh Trọng K đã tự lập khống 124 hợp đồng tín dụng mang tên 65 khách hàng, rút tiền của quỹ tín dụng và chiếm đoạt 5.250.000.000 đồng. Huỳnh Thanh T tự lập khống 09 hợp đồng tín dụng mang tên 09 khách hàng, rút tiền và chiếm đoạt 240.000.000 đồng.

Để che giấu số tiền chiếm đoạt, Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T dùng thủ đoạn tự lấy tiền thu được từ những khách hàng khác để cân đối nộp tiền gốc, lãi vào khoản vay đã lập khống trong thời gian dài tại quỹ tín dụng. Do đó, đến thời điểm thanh tra, số tiền chưa được K, T nộp vào cho những Hợp đồng lập khống nói trên được xem là số tiền đã gây thiệt hại. K, T còn dùng thủ đoạn thay đổi ngày vay, hạn trả, số Hợp đồng tín dụng hoặc tên khách hàng trên hệ thống phần mềm máy tính kết nối trong nội bộ Quỹ Tín dụng nhân dân T2 rất nhiều lần và thực hiện qua nhiều năm, nhằm tránh sự phát hiện của những người có trách nhiệm (188/299 Hợp đồng tín dụng sai phạm của K, 02/79 Hợp đồng tín dụng của T bị thay đổi, sửa chữa thông tin).

Số tiền chiếm đoạt, ngoài sử dụng cá nhân, thì K và T còn sử dụng vào các mục đích cho vay để ngoài sổ sách kế toán nộp gốc, lãi các khoản vay đã chiếm đoạt; cho người khác sử dụng, tự đảo các khoản vay mà khách hàng không biết. Đến thời điểm khởi tố Huỳnh Trọng K chưa khắc phục **8.942.534.520 đồng**; Huỳnh Thanh T chưa khắc phục **136.747.508 đồng**.

2. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:

Hành vi sai phạm của Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T diễn ra nhiều lần, nhiều năm và chiếm đoạt số tiền lớn của Quỹ Tín dụng nhân dân T2, nhưng không được phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời, trong đó có hành vi buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát của ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán, các cá nhân này đã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

2.1. Đối với Bùi Thị Lệ T1:

Từ năm 2001 đến tháng 4-2019, Bùi Thị Lệ T1 là Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2, thành viên Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Quỹ Tín dụng nhân dân T2 ngày 10-12-2015 và ngày 11-3-2016; Quy chế cho vay ngày 01-11-2015 và các Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 ngày 31-12-2014, ngày 13-9-2017, đó là: "Lãnh đạo bộ máy điều hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành công việc hàng ngày của quỹ tín dụng; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; điều hành, quản lý, giám sát và phải chịu trách

nhiệm mọi mặt về hoạt động kinh doanh của quỹ trước Hội đồng quản trị; đại hội thành viên và trước pháp luật... Trong điều hành hoạt động nghiệp vụ cho vay, Giám đốc có trách nhiệm: Xem xét báo cáo thẩm định và toàn bộ hồ sơ do cán bộ tín dụng trình lên; ký cho vay và chuyển hồ sơ cho cán bộ tín dụng, nếu còn vấn đề gì nghi vấn thì cùng với cán bộ tín dụng đi thẩm định lại, Giám đốc phải chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình trong trường hợp khách hàng không trả nợ cho quỹ; kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và quá trình trả nợ của khách hàng nhằm đôn đốc hướng dẫn khách hàng thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng (có văn bản kiểm tra).

Tuy nhiên, với chức vụ là Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2, Bùi Thị Lệ T1 đã không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm trong kiểm tra, điều hành, quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh tại quỹ, dẫn đến gây thiệt hại rất nghiêm trọng về tài sản cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2, cụ thể: Quá trình ký duyệt hồ sơ vay đối với tất cả các Hợp đồng tín dụng, T1 không thực hiện trách nhiệm của mình, không kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và không thẩm tra, chỉ căn cứ trên cơ sở nghe cán bộ tín dụng báo cáo, chủ yếu dựa vào nhận định chủ quan, mà không sử dụng các nguồn thông tin khác để kiểm tra, đối chiếu, không cùng nhân viên tín dụng thẩm định lại hồ sơ dẫn đến không phát hiện Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T dùng thủ đoạn ký giả chữ ký, tự lập khống hồ sơ và chiếm đoạt tiền của quỹ. Thậm chí, có khách hàng Nguyễn Thị Tường Vy đã chết năm 2013, nhưng Hội đồng vẫn họp duyệt đơn và T1 ký duyệt hồ sơ, giải ngân 140.000.000 đồng thông qua 02 hợp đồng tín dụng (số 2019.10 ngày vay 08-01-2019, hạn trả 08-01-2020 và số 2019.157 ngày vay 02-4-2019, hạn trả 02-4-2020) do K lập khống. Có 09/283 Hợp đồng tín dụng thu không nộp quỹ, có số tiền vay 80.000.000 đồng trở lên đã không được họp xét theo quy định, nhưng T1 vẫn ký duyệt cho vay; có 09 khách hàng cho vay trả góp ở chợ không có Hợp đồng thế chấp lô, nhưng vẫn được T1 ký duyệt cho vay; tại các hồ sơ vay vốn, rất nhiều tài liệu như "Giấy đề nghị vay vốn", "Bản cam kết thế chấp quyền sử dụng điểm kinh doanh trong thời gian vay vốn", "Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay" có nội dung thông tin khách hàng không được cập nhật phản ánh, nhưng T1 không yêu cầu K, T bổ sung ghi đầy đủ mà vẫn ký duyệt Hợp đồng tín dụng, Báo cáo thẩm định và Bản cam kết thế chấp. Trong 133 hồ sơ hợp đồng tín dụng K, T lập khống và chiếm đoạt 5.490.000.000 đồng, có 104 Hợp đồng tín dụng được T1 là thành viên Hội đồng quản trị họp xét đơn vay và ký duyệt giải ngân. T1 đã trực tiếp ký duyệt giải ngân 126/133 hồ sơ khống, với số tiền 5.230.000.000 đồng, trong đó gây thiệt hại cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2 **3.921.594.230 đồng**.

Theo quy định tại Điều 7, Thông tư 01/2014 của Ngân hàng Nhà nước cũng như Quy chế nội bộ của Quỹ tín dụng ngày 23-5-2016 quy định nguyên tắc thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá *"Mọi khoản thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng... phải thực hiện thông qua quỹ của đơn vị... Trước khi chi tiền mặt, chứng từ kế toán phải có chữ ký của người nộp hay lĩnh tiền và thủ quỹ hoặc thủ kho tiền hoặc nhân viên thu, chi tiền mặt"*. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho khách hàng vay vốn thuận lợi, trong công tác giải ngân vốn, quỹ tín dụng đã

thực hiện hình thức giải ngân cho khách hàng bằng cách cho nhân viên tín dụng tạm ứng tiền quỹ đi giao cho khách hàng vay tại các chợ. Thủ tục này không được quy định cụ thể trong quy chế cho vay của quỹ tín dụng, nhưng vẫn thực hiện từ năm 2011 đến sau này và cũng đã giải ngân cho rất nhiều khách hàng qua các năm. Tuy nhiên, điều này đã tạo sơ hở do không được kiểm tra, kiểm soát, thẩm định chặt chẽ hồ sơ và khách hàng vay vốn trước khi giải ngân nên khi giải ngân, Giám đốc và những người có trách nhiệm không nắm, không kiểm soát được cán bộ tín dụng có giao tiền trực tiếp cho khách hàng không? có đúng là khách hàng đã vay số vốn này không? dẫn đến tình trạng K và T lập hợp đồng khống, tự ký vào mục khách hàng ở các Phiếu chi, Giấy nhận tiền. Sau khi giải ngân tiền vay, T1 không có biện pháp chỉ đạo theo dõi, quản lý, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ số lượng, việc sử dụng vốn, thu hồi nợ trước, trong và sau khi giải ngân nên rất nhiều hồ sơ mặc dù hết hạn vay từ lâu (K: 2016-03 hợp đồng, 2017-53 hợp đồng, 2018-48 hợp đồng; hết hạn vay trước 25-4-2019: 45 hợp đồng; T: 01 hợp đồng hết hạn năm 2018), khách hàng đã trả hết nợ cho quỹ trong thời gian dài K, T đã chiếm đoạt, hồ sơ khách hàng tại quỹ còn nợ mà Giám đốc không biết vẫn tiếp tục ký duyệt, giải ngân nhiều hồ sơ xin vay mới. Tính trong thời gian giữ chức vụ Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2 (từ năm 2014 đến ngày 25-4-2019) Bùi Thị Lệ T1 đã để K, T thu tiền không nộp quỹ tại 92 hợp đồng tín dụng, gây thiệt hại cho quỹ 4.007.361.875 đồng (trong đó K: 4.004.824.200 đồng từ 91 hợp đồng; T 2.537.675 đồng từ 01 hợp đồng). Như vậy, với trách nhiệm Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2, người đứng đầu lãnh đạo bộ máy điều hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng ngày và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, nhưng Bùi Thị Lệ T1 đã thực hiện không đầy đủ chức trách nhiệm vụ, quyền hạn được giao; buông lỏng công tác điều hành, quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh trên một số mặt, đặc biệt là hoạt động tín dụng: Từ khâu xét duyệt, thẩm định hồ sơ vay, quy trình giải ngân vốn vay đến kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn của khách hàng. Chính từ sự lỏng lẻo, không thực hiện đầy đủ trong quản lý, điều hành hoạt động nghiệp vụ, T1 đã để nhiều sai phạm ở quỹ xảy ra thời gian dài, tạo điều kiện thuận lợi cho K và T thực hiện hành vi tham ô **12.926.321.413 đồng**. Hành vi của Bùi Thị Lệ T1 đã gây thiệt về tài sản cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2, với tổng số tiền là **7.928.956.105 đồng**.

2.2. Đối với Nguyễn Thị Nhân H:

Nguyễn Thị Nhân H - Nguyên Trưởng ban Kiểm soát Quỹ Tín dụng nhân dân T2. Trong nhiệm kỳ 2014 - 2018, tổ chức của Ban kiểm soát Quỹ tín dụng T gồm 03 người: 01 Trưởng ban làm việc chuyên trách tại quỹ và 02 thành viên không chuyên trách. Đây là bộ máy có chức năng thay mặt thành viên giám sát, kiểm tra mọi hoạt động của quỹ tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư 04/2015/TT-NHNN ngày 31-3-2015 quy định về Quỹ tín dụng nhân dân và Điều lệ, Quy chế hoạt động của quỹ qua các năm. Hoạt động của Ban kiểm soát phải được đánh giá độc lập, thay mặt thành viên giám sát, kiểm tra mọi hoạt động của quỹ tín dụng và chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Tín dụng

nhân dân T2 ngày 31-12-2014 và ngày 13-9-2017, Phần 3 Quy chế quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đối với công tác kiểm soát việc chấp hành chế độ tín dụng hàng ngày, Ban kiểm soát có trách nhiệm phải tiến hành thực hiện *"Kiểm tra, xem xét tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát hồ sơ vốn vay, tính pháp lý của đơn xin vay và hợp đồng tín dụng; kiểm soát mục đích, điều kiện, đối tượng vay vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất; kiểm soát thẩm quyền giải quyết cho vay, việc thẩm định cho vay và việc chấp hành chế độ tín dụng"*. Tại Quỹ Tín dụng nhân dân T2 nhiệm kỳ 2014-2018, mặc dù Ban kiểm soát có 03 người, nhưng Nguyễn Thị Nhân H giữ cương vị Kiểm soát trưởng chuyên trách đến tháng 4-2019, mọi công việc đều do H thực hiện mà không có tài liệu thể hiện sự phân công cho các Kiểm soát viên khác. Qua điều tra, H cũng chỉ cung cấp được cho Cơ quan Cảnh sát điều tra các Kế hoạch kiểm soát năm từ 2016 đến 2019, báo cáo quý và một số ít lần báo cáo việc kiểm tra đột xuất khách hàng vay vốn mà không có hồ sơ tài liệu lưu trữ ghi nhận, phản ánh có thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động tín dụng cụ thể đối với khách hàng trong từng quý, từng năm.

Với chức vụ Trưởng ban kiểm soát, là người trực tiếp công tác chuyên trách tại quỹ, H phải chịu trách nhiệm về những sai phạm của mình vì đã thực hiện không đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 84 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 22 Thông tư 04/2015/TT-NHNN ngày 31-3-2015 quy định về Quỹ tín dụng nhân dân; tại Điều lệ Quỹ Tín dụng nhân dân T2 ngày 10-012-2015, ngày 15-3-2016 và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng ban hành ngày 15-3-2016 và ngày 13-9-2017. Nguyễn Thị Nhân H đã không thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nhiều khâu trong chế độ tín dụng cũng như hoạt động của quỹ dẫn đến các sai phạm trong hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của Ban điều hành và hành vi của K, T diễn ra thời gian dài mà không kịp thời phát hiện, ngăn chặn. Cụ thể là không kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hổ sơ vay vốn hàng ngày, tháng, năm của K và T lập, theo dõi quản lý thu nợ để ngăn chặn, kiến nghị xử lý, nên rất nhiều Hợp đồng tín dụng, mặc dù hết hạn vay từ lâu (K 2016-03 HĐ, 2017-53 HĐ, 2018-48 HĐ; T 01 HĐ), khách hàng đã trả hết nợ và K, T đã chiếm đoạt trong thời gian dài, nhưng không biết, nhiều Hợp đồng trong số khách hàng này vẫn tiếp tục được Giám đốc ký duyệt cho vay mới. Chính sự kiểm tra, kiểm soát tín dụng lỏng lẻo dẫn đến 133 hồ sơ Hợp đồng tín dụng bị K, T lập khống qua nhiều năm, trên các chứng từ giải ngân "Phiếu chi", "Giấy nhận nợ" tại những hồ sơ khống này vẫn được H ký vào mục "Kiểm soát" đồng thời K và T thực hiện hành vi thu tiền không nộp quỹ từ 92 Hợp đồng tín dụng (K 91 HĐ, T 01 HĐ) không được phát hiện.

Xét thời gian thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao làm Kiểm soát trưởng từ năm 2014 đến ngày 25-4-2019, hành vi thiếu trách nhiệm trong kiểm tra, giám sát, kiểm soát của Nguyễn Thị Nhân H đã gây thiệt hại rất nghiêm trọng về tài sản Quỹ Tín dụng nhân dân T2 với tổng số tiền là **8.184.475.271 đồng**, trong đó, gây thiệt hại vì thiếu trách nhiệm đối với những hồ sơ do K, T thực hiện hành vi thu

tiền không nộp quỹ 4.007.361.875 đồng từ 92 Hợp đồng tín dụng và gây thiệt hại đối với những hồ sơ do K, T thực hiện hành vi lập khống 4.176.258.396 đồng từ 133 Hợp đồng tín dụng.

2.3. Đối với Nguyễn Thị Phương L:

Nguyễn Thị Phương L - Nguyên Kế toán trưởng Quỹ Tín dụng nhân dân T2. Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Kế toán và một số văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động cho vay của Quỹ Tín dụng nhân dân T2, Kế toán có chức năng, nhiệm vụ: *"Thực hiện đúng chế độ tài chính đối với Quỹ Tín dụng nhân dân T2heo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính: Tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán thống kê, thông tin kế toán và hạch toán kế toán của quỹ theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức ghi chép phản ánh trung thực rõ ràng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; sử dụng kế toán trên máy tính phải tuân thủ quy chế, bảo đảm an toàn, bảo mật phần mềm kế toán trên máy vi tính và hệ thống công nghệ thông tin, kịp thời nhận biết, phân loại, đánh giá xử lý có hiệu quả các rủi ro trên máy... Ghi nhật ký và quy định thời gian lưu giữ các thông tin để tránh sự cố mất an toàn thông tin... Xác định đúng kết quả kinh doanh trong thời kỳ và phân tích kết quả kinh doanh... Tổ chức bảo quản, lưu trữ tốt các tài liệu kế toán"*. Tại Quy chế nội bộ về quản lý cho vay đối với thành viên là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân trong hoạt động tại Quỹ Tín dụng nhân dân T2 ngày 24-5-2016 nêu rõ trách nhiệm kế toán trong hoạt động cho vay là *"Thường xuyên cập nhật những món vay đến hạn, quá hạn, lập giấy báo đến hạn, quá hạn giao bộ phận tín dụng theo dõi thông báo đến khách hàng. Quản lý, giám sát những món vay làm cơ sở thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro"*. Xem xét từ các sai phạm của Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T thấy rằng: Nguyễn Thị Phương L với vai trò Kế toán trưởng tại Quỹ Tín dụng nhân dân T2 từ tháng 02-2007 đến ngày 24-4-2019 là người nắm rõ nghiệp vụ kế toán, nhiệm vụ và quyền hạn của kế toán theo quy định của Luật Kế toán cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng, Quy chế nội bộ vê quản lý cho vay, quy trình hoạt động nghiệp vụ kế toán tín dụng diễn ra tại quỹ, nhưng L không làm hết trách nhiệm của mình trong rà soát, quản lý, kiểm tra chặt chẽ thông tin tín dụng khách hàng vay vốn; trong theo dõi, báo cáo, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản cho vay, thu nợ hàng ngày, tháng, quý, năm của khách hàng do K, T thực hiện. Vì vậy, trong 149 Hợp đồng vay vốn (K 2016 - 03 HĐ, 2017 - 53 HĐ, 2018 - 48 HĐ, hết hạn vay trước 25-4-2019: 45 HĐTD; T 01 HĐ hết hạn năm 2018) do K và T thực hiện các hành vi sai phạm có thời hạn trả nợ và khách hàng đã trả hết nợ từ nhiều năm trước, nhưng L không phát hiện, để xuất quỹ tín dụng có biện pháp xử lý, ngăn chặn hay thu hồi. Trách nhiệm kế toán là *"Sử dụng kế toán trên máy tính phải tuân thủ quy chế, bảo đảm an toàn, bảo mật phần mềm kế toán trên máy vi tính và hệ thống công nghệ thông tin kịp thời nhận biết, phân loại, đánh giá xử lý có hiệu quả các rủi ro trên máy..."*. Mặc dù, phần mềm kế toán được đặt tại máy chủ và kế toán sử dụng, quản lý nhưng do không thực hiện đúng công tác bảo mật an toàn phần mềm kế toán; không theo dõi, rà soát, kiểm tra hồ sơ vay thực tế nên không phát hiện các K, T lợi dụng truy cập vào phần mềm máy tính để dùng thủ

đoạn thay đổi ngày vay, hạn trả, số Hợp đồng tín dụng hay tên khách hàng rất nhiều lần trong nhiều năm nhằm che giấu sai phạm. Thông qua hoạt động thực nghiệm điều tra đối với K và T do Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện tại quỹ tín dụng, nhận thấy: Việc thay đổi ngày vay, hạn trả, thông tin số Hợp đồng tín dụng trên máy tính chỉ che đậy bên ngoài của hệ thống máy tính và tại bản in của *"Sao kê giao dịch tín dụng tổng hợp"*; còn nội dung thông tin gốc của Hợp đồng tín dụng này vẫn không có sự thay đổi so với thời điểm ban đầu mới nhập vào. Mặt khác, trên các *"Sao kê giao dịch tín dụng"* đối với từng Hợp đồng tín dụng đều phản ánh rõ nội dung cả thông tin hồ sơ vay lúc đầu và có thay đổi. Như vậy, qua thực nghiệm điều tra và ghi nhận trên sao kê giao dịch tín dụng xác định: Kế toán L đã không thực hiện việc rà soát, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, cụ thể, chi tiết thông tin khách hàng trước, trong và sau khi giải ngân, không quản lý, giám sát chặt hoạt động thu, chi gốc lãi tháng, quý, năm đối với các Hợp đồng tín dụng phát sinh do K, T quản lý trong nhiều năm để phát hiện ngăn chặn và có biện pháp xử ký kịp thời sai phạm xảy ra. Hành vi thiếu trách nhiệm của L đã tạo điều kiện để K và T lợi dụng thực hiện hành vi tham ô của quỹ tín dụng khoản tiền rất lớn, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2 trong thời gian dài. Xét thời gian thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, tính trong khoảng thời gian làm Kế toán trưởng từ năm 2014 đến ngày 25-4-2019, hành vi thiếu trách nhiệm trong quản lý, kiểm tra, giám sát công tác kế toán đối với hoạt động tín dụng tại quỹ của Nguyễn Thị Phương L đã gây thiệt hại về tài sản cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2 tiền **5.825.523.775 đồng**; trong đó: Gây thiệt hại vì thiếu trách nhiệm đối với những hồ sơ do K, T thực hiện hành vi thu tiền không nộp quỹ là 4.007.361.875 đồng từ 92 HĐTD và thiếu trách nhiệm đối với những hồ sơ do K, T thực hiện hành vi lập khống 59 Hợp đồng tín dụng là 1.818.161.900 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình giải quyết vụ án, gia đình Huỳnh Trọng K đã nộp 90.000.000 đồng khắc phục hậu quả thiệt hại.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, gia đình Huỳnh Thanh T nộp đủ số tiền còn lại, khắc phục toàn bộ thiệt hại.

- Bùi Thị Lệ T1 nộp 110.000.000 đồng; Nguyễn Thị Nhân H nộp 10.000.000 đồng và Nguyễn Thị Phương L nộp 10.000.000 đồng để cùng K, T khắc phục thiệt hại.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Lệnh kê biên tài sản căn nhà của gia đình Huỳnh Trọng K đang ở, tại địa chỉ Số 44 Lương Ngọc Quyến, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để giao cho người nhà Huỳnh Trọng K quản lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 15-11-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

xử phạt:

- **Huỳnh Trọng K** 18 (**mười tám**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-01-2021.

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng các điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt:

- **Huỳnh Thanh T** 02 (**hai**) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05-01-2021 đến ngày 28-5-2021).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Bùi Thị Lệ T1** 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị Nhân H** 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị Phương L** 03 (**ba**) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, án phí, xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21-11-2022, Huỳnh Thanh T kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 23-11-2022, Bùi Thị Lệ T1 kháng cáo xin giảm hình phạt và đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phó Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2 là bà Dương Thị Thu T.

- Ngày 21-11-2022, Nguyễn Thị Phương L kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 23-11-2022, Nguyễn Thị Nhân H kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 30-11-2022, Quỹ Tín dụng nhân dân T2 kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Trọng K.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS ngày 30-11-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm theo hướng tiếp tục kê biên tài sản là ngôi nhà thuộc sở hữu chung vơ chồng Huỳnh Trọng K để đảm bảo thi hành án.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Huỳnh Thanh T, Bùi Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Nhân H và Nguyễn Thị Phương L; bị hại là Quỹ Tín dụng nhân dân T2 kháng cáo bản án; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kháng nghị bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo, của bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 và khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Trọng K của bị hại là Quỹ Tín dụng nhân dân T2.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh T.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Nhân H và Nguyễn Thị Phương L.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 15-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo hướng:

Giảm hình phạt cho các bị cáo: Bùi Thị Lệ T1 và Nguyễn Nhân H; giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L được hưởng án treo.

Tiếp tục kê biên tài sản theo Lệnh kê biên tài sản số 01/CSKT ngày 10-9-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đối với căn nhà của gia đình Huỳnh Trọng K đang ở, tại địa chỉ số 44 Lương Ngọc Quyến, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để đảm bảo việc thi hành án.

Các bị cáo và người bào chữa tranh tụng công khai; nói lời sau cùng, các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Từ năm 2014 đến tháng 6-2019, Huỳnh Trọng K - Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ Tín dụng nhân dân T2, kiêm cán bộ tín dụng từ tháng 01-10-2012 đến ngày 15-4-2019; Huỳnh Thanh T - Cán bộ tín dụng; trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ vay vốn, theo dõi, quản lý thu nợ khách hàng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã thực hiện các hành vi thu tiền không nộp quỹ và tự lập khống hợp đồng tín dụng trong thời gian dài để chiếm đoạt tiền của Quỹ Tín dụng nhân dân T2, cụ thể:

- Đối với Huỳnh Trọng K:

Đã có hành vi thu tiền gốc và lãi của khách hàng vay thực tế tại 205 hợp đồng tín dụng, sau khi thu tiền nợ về, K không nộp đầy đủ vào Quỹ Tín dụng nhân dân T2 để tất toán khoản vay cho khách hàng mà chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 với số tiền 7.247.739.160 đồng. Ngoài ra, lợi dụng việc Quỹ Tín dụng nhân dân T2 cho phép cán bộ tín dụng được nhận tiền trực tiếp từ thủ quỹ để giải ngân vốn vay cho khách hàng, Huỳnh Trọng K đã lập khống 124 hợp đồng tín dụng mang tên 65 khách hàng để rút tiền của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 và chiếm đoạt 5.250.000.000 đồng. Tổng số tiền Huỳnh Trọng K chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 là **12.497.739.160 đồng**.

- Đối với Huỳnh Thanh T:

Với cách thức, thủ đoạn tương tự Huỳnh Trọng K, Huỳnh Thanh T đã có hành vi thu tiền tại 80 hợp đồng tín dụng của 64 khách hàng nhưng không nộp quỹ, chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 188.582.253 đồng. Ngoài ra, T đã tự lập khống 09 hợp đồng tín dụng mang tên 09 khách hàng để rút tiền chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 240.000.000 đồng. Tổng số tiền Huỳnh Thanh T chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 là **428.582.253 đồng**.

Với các hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án Huỳnh Trọng K về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, Huỳnh Thanh T về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Thị Nhân H:

Nguyễn Thị Nhân H là Trưởng Ban kiểm soát, nhưng bị cáo không thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hồ sơ hợp đồng vay vốn do Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T lập, thiếu trách nhiệm trong công tác theo dõi quản lý thu nợ, từ đó để cho Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T thực hiện hành vi thu tiền không nộp quỹ là 4.007.361.875 đồng từ 92 Hợp đồng tín dụng và gây thiệt hại đối với những hồ sơ do Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T thực hiện hành vi lập khống là 4.176.258.396 đồng từ 133 Hợp đồng tín dụng. Kết quả điều tra xác định hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm của Nguyễn Thị Nhân H đã gây thiệt hại về tài sản Quỹ Tín dụng nhân dân T2 với tổng số tiền là **8.184.475.271 đồng.**

- Đối với Bùi Thị Lệ T1:

Với tư cách là Giám đốc Quỹ tín dụng, người đứng đầu lãnh đạo bộ máy điều hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng ngày và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, nhưng Bùi Thị Lệ T1 đã không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; buông lỏng công tác điều hành, quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh trên một số mặt, đặc biệt là hoạt động tín dụng: Từ khâu xét duyệt, thẩm định hồ sơ vay, quy trình giải ngân vốn vay đến kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn, thu hồi vốn vay của khách hàng. Chính từ sự lỏng lẻo, không thực hiện đầy đủ trong quản lý, điều hành hoạt động nghiệp vụ, Bùi Thị Lệ T1 và các bị cáo Nguyễn Thị Nhân H, Nguyễn Thị Phương L đã để rất nhiều sai phạm ở Quỹ xảy ra trong khoảng thời gian dài, là một trong những nguyên nhân dẫn đến sơ hở, tạo điều kiện thuận lợi cho Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T thực hiện hành vi tham ô số tiền rất lớn của Quỹ TDND P. Kết quả điều tra xác định hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm của Bùi Thị Lệ T1 đã gây thiệt hại về tài sản cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2 là **7.928.956.105 đồng**.

- Đối với Nguyễn Thị Phương L:

Trong khoảng thời gian làm Kế toán trưởng từ năm 2014 đến ngày 25-4-2019, Nguyễn Thị Phương L không thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm trong việc rà soát, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, cụ thể, chi tiết thông tin khách hàng trước, trong và sau khi giải ngân; không thực hiện quản lý, giám sát chặt hoạt động thu, chi gốc, lãi tháng, quý, năm đối với các Hợp đồng tín dụng phát sinh do Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T quản lý trong nhiều năm, từ đó để cho K và T lợi dụng sự sơ hở này thực hiện hành vi thu tiền không nộp quỹ là 4.007.361.875 đồng từ 92 HĐTD và lập khống 59 Hợp đồng tín dụng với số tiền là 1.818.161.900 đồng. Kết quả điều tra xác định hành vi của Nguyễn Thị Phương L đã gây thiệt hại về tài sản cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2 số tiền là **5.825.523.775 đồng**.

Với các hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án Nguyễn Thị Nhân H, Bùi Thị Lệ T1 và Nguyễn Thị Phương L về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt (Đối với các bị cáo kháng cáo):

[2.2.1]. Về hình phạt chính:

Các bị cáo đều có đủ năng lực hành vi dân sự để nhận thức và phân biệt được việc làm của mình, nhưng do động cơ vụ lợi, các bị cáo Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện hành vi thu tiền tại các hợp đồng tín dụng, không nộp quỹ và tự lập khống hợp đồng tín dụng để chiếm đoạt tiền của Nhà nước; các bị cáo Nguyễn Thị Nhân H, Bùi Thị Lệ T1 và Nguyễn Thị Phương L không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của mình, từ đó làm thiệt hại đến tài sản của quỹ tín dụng nơi mình công tác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức tín dụng được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với tổ chức tín dụng nói riêng. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội mang tính độc lập, không có sự bàn bạc, câu kết, không có sự phân công vai trò, nên không thuộc trường hợp

đồng phạm và phạm tội có tổ chức. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra để có mức hình phạt cụ thể.

- Đối với Huỳnh Thanh T:

Bị cáo thực hiện hành vi thu tiền tại các hợp đồng tín dụng của nhiều khách hàng nhưng không nộp quỹ; ngoài ra, bị cáo còn tự lập khống hợp đồng tín dụng để rút tiền chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2. Trong hai năm (2018, 2019), bị cáo chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 tổng số tiền là **428.582.253 đồng**, nên bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, bị cáo phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, chiếm đoạt của Nhà nước số tiền lớn, nhưng chỉ bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 02 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề) là đã có lợi cho bị cáo. Vì vậy, để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đối với Nguyễn Thị Nhân H, Bùi Thị Lệ T1 và Nguyễn Thị Phương L:

Trong quá trình công tác, các bị cáo không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao; Nguyễn Thị Nhân H là Trưởng Ban kiểm soát, nhưng bị cáo không thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hồ sơ hợp đồng vay vốn do Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T lập, thiếu trách nhiệm trong công tác theo dõi quản lý thu nợ; Bùi Thị Lệ T1 buông lỏng công tác điều hành, quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh tín dụng từ khâu xét duyệt, thẩm định hồ sơ vay, quy trình giải ngân vốn vay đến kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn, thu hồi vốn vay của khách hàng; còn Nguyễn Thị Phương L không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc rà soát, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, cụ thể, chi tiết thông tin khách hàng trước, trong và sau khi giải ngân; không thực hiện quản lý, giám sát chặt hoạt động thu, chi gốc, lãi tháng, quý, năm đối với các Hợp đồng tín dụng phát sinh. Từ sự lỏng lẻo, không thực hiện đúng, đủ nhiệm vụ trong quản lý, điều hành hoạt động nghiệp vụ, các bị cáo đã để xảy ra nhiều sai phạm ở quỹ tín dụng trong khoảng thời gian dài, từ đó tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi tham ô số tiền rất lớn của Nhà, do đó các bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thành phần khai báo, ăn năn hối cải; sau khi tội phạm bị phát hiện, mặc dù không thuộc diện phải bồi thường, nhưng các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục một phần thiệt hại; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; Bùi Thị Lệ T1 trong quá trình công tác được cơ quan có thẩm quyền tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", được tặng nhiều "Giấy khen"; có ông ngoại là liệt sĩ, mẹ ruột là người có công cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất; trước khi xét xử phúc thẩm, Bùi Thị Lệ T1 tự nguyện nộp thêm 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; Nguyễn Thị Nhân H và Nguyễn Thị Phương L đều có hoàn cảnh gia

đình khó khăn, bị cáo H có con bị bệnh nặng. Vì vậy, để thể hiện chính sách nhận đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Do các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, các bị cáo phạm tội thuộc lỗi vô ý, không có động cơ vụ lợi, nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Thị Lệ T1; áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thị Phương L.

- Đối với Bùi Thị Lệ T1, ngoài kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo còn cho rằng cần xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phó Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2 là bà Dương Thị Thu T để tránh bỏ lọt người phạm tội.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, bà Dương Thị Thu T với chức vụ Phó Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân T2 và khi được Giám đốc ủy quyền bà T đã thực hiện hành vi ký phê duyệt 06 (sáu) hợp đồng do Huỳnh Trọng K và Huỳnh Thanh T lập khống để chiếp đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2 số tiền **260.000.000 đồng**. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24-9-2022, sau khi đối chất bà Dương Thị T1 T thừa nhận sai phạm của mình và sai phạm này của bà T chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử lý. Vì vậy, để tránh bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 71/2022/HSST-QĐ ngày 24-9-2022 cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để điều tra bổ sung. Ngày 24-10-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm theo nội dung Công văn số 03/VKS-P1. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã "Kiến nghị khắc phục vi phạm và kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm theo quy định pháp luật để xử lý hành vi thiếu trách nhiệm của bà Dương Thị Thu T" là thực hiện đúng quy định tại điểm h khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.2.2]. Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng biện pháp cấm các bị cáo đảm nhận các chức vụ hoặc làm công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong một thời hạn nhất định là đúng quy định tại khoản 5 Điều 353 và khoản 4 Điều 360 của Bộ luật Hình sự. Để ngăn chặn, phòng ngừa chung, cũng như tránh những hậu quả nguy hại có thể xảy ra cho xã hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt bổ sung này đối với các bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và chỉ có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Nhân H, Nguyễn Thị Phương L và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Lệ T1 (Phần hình phạt).

[3]. Xét kháng cáo của Quỹ Tín dụng nhân dân T2:

Hành vi phạm tội của Huỳnh Trọng K có tính chất đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất nhiều lần, diễn ra trong thời gian dài, số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn so với số tiền khởi điểm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, nên cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc.

Mặc dù, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s và t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Theo quy định của pháp luật, thì bị cáo có thể được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, số tiền bị cáo khắc phục không đáng kể so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Quỹ Tín dụng nhân dân T2, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại quá chú trọng vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không nghiêm. Để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Trọng K.

Như vậy, kháng cáo của bị hại là Quỹ Tín dụng nhân dân T2 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Trọng K đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc Huỳnh Trọng K bồi thường tiếp số tiền còn lại cho Quỹ Tín dụng nhân dân T2 là: **8.722.534.502 đồng** (tám tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi tư nghìn năm trăm lẻ hai đồng), nhưng lại "Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/CSKT ngày 10-9-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đối với căn nhà của gia đình Huỳnh Trọng K đang ở có địa chỉ tại phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế" là không đúng pháp luật, bởi lẽ căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định ngôi nhà này là tài sản chung của vợ chồng Huỳnh Trong K, do đó để tránh làm thất thoát tài sản của Quỹ TDND P, cần thiết tiếp tục kê biên để đảm bảo việc thi hành án. Quá trình thi hành phần bồi thường thiệt hại, Cơ quan thi hành án dân sự sẽ có trách nhiệm xác định phần tài sản của Huỳnh Trong K trong khối tài sản chung là ngôi nhà này để khấu trừ bồi thường cho Quỹ TDND P theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6]. Về án phí:

- Bị cáo Huỳnh Thanh T không được chấp nhận kháng cáo, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Huỳnh Trọng K bị kháng cáo tăng hình phạt, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Nhân H, Bùi Thị Lệ T1 và Nguyễn Thị Phương L được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Nhân H, Nguyễn Thị Phương L và Quỹ Tín dụng nhân dân P.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Bùi Thị Lê T1.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS ngày 30-11-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về Trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Huỳnh Trọng K** 20 (**hai mươi**) năm về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-01-2021.

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng các điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Huỳnh Thanh T** 02 (**hai**) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05-01-2021 đến ngày 28-5-2021).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị Nhân H** 03 (**ba**) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Bùi Thị Lệ T1** 02 (**hai**) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.5. Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị Phương L** 03 (**ba**) năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương L cho Ủy ban nhân dân phường Thuận Lộc, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Thuận Lộc, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Cấm bị cáo Nguyễn Thị Phương L đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Biện pháp cưỡng chế: Căn cứ Điều 128 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục kê biên tài sản theo Lệnh kê biên tài sản số 01/CSKT ngày 10-9-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đối với căn nhà của gia đình Huỳnh Trọng K đang ở, tại địa chỉ số 44 Lương Ngọc Quyến, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để đảm bảo việc thi hành án.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Huỳnh Thanh T phải phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Huỳnh Trọng K, Bùi Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Nhân H và Nguyễn Thị Phương L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (02 bản, để giao cho bị cáo K 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THA dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ);
- Bị hại kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường